

Phụ lục 03
Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với hải sản tự nhiên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Mã nhóm, loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên (đồng)
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5			
IV					Hải sản tự nhiên		
	IV1				Ngọc trai, bảo ngư, hải sâm		
		IV101			Ngọc trai		
		IV102			Bào ngư	kg	360.000
		IV103			Hải sâm	kg	600.000
	IV2				Hải sản tự nhiên khác		
		IV201			Cá		
			IV20101		Cá loại 1, 2, 3	kg	60.000
			IV20102		Cá loại khác	kg	30.000
		IV202			Cua	kg	200.000
		IV204			Mực	kg	95.000
		IV205			Tôm		
			IV20501		Tôm hùm	kg	880.000
			IV20502		Tôm khác	kg	150.000